

KẾ HOẠCH

Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2011-2015

Thực hiện Kế hoạch số 1970/KH-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2015 của UBND tỉnh Hà Nam về việc tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2011-2015, Ủy ban nhân dân huyện xây dựng Kế hoạch tổng kết, đánh giá như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Đánh giá những kết quả đạt được so với tiến độ, mục tiêu, nhiệm vụ đề ra theo Chương trình số 263/CTr-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân huyện về thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững giai đoạn 2011-2015 và Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2011-2015.

- Phân tích rõ những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế trong quá trình tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2011-2015.

- Đề xuất giải pháp phù hợp thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020.

II. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ

(Theo đề cương gửi kèm)

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội: Tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện ban hành kế hoạch, đề cương báo cáo, biểu mẫu phục vụ cho công tác tổ chức tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu giảm nghèo bền vững giai đoạn 2011-2015 và tổng hợp kết quả báo cáo Ủy ban nhân dân huyện trước ngày 10 tháng 10 năm 2015.

2. Các ban, ngành tổng kết, đánh giá tình hình ban hành, triển khai các chính sách, giải pháp hỗ trợ theo lĩnh vực quản lý; đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, dự án và mục tiêu giảm nghèo trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được phân công. Báo cáo Ủy ban nhân dân huyện kết quả đánh giá trước ngày 08/10/2015 *(qua Phòng Lao động - TBXH)*

3. Ủy ban nhân dân xã, thị trấn:

- Chỉ đạo hướng dẫn đánh giá tổng kết trên địa bàn; đồng thời thực hiện đánh giá tổng hợp theo hệ thống biểu mẫu thống nhất, có sự tham gia của người dân.

- Tổng hợp kết quả đánh giá trên địa bàn báo cáo Ủy ban nhân dân huyện trước ngày 08/10/2015 (qua Phòng Lao động - TBXH).

Ủy ban nhân dân huyện yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện tốt Kế hoạch đảm bảo yêu cầu chất lượng, thời gian theo đúng quy định. Trong quá trình triển khai thực hiện có vướng mắc báo cáo Ủy ban nhân dân huyện (Qua Phòng Lao động – TBXH) để có hướng dẫn kịp thời./.

Nơi nhận:

- Sở LĐTB&XH (để b/c);
- Thường trực HU, HĐND huyện (để b/c);
- Chủ tịch. các PCT UBND huyện (để b/c);
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, LĐTBXH.

KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trình Thế Mạnh

ĐỀ CƯƠNG
BÁO CÁO TỔNG KẾT, ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN
VỮNG GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

*(Kèm theo Kế hoạch số 67 /KH-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2015
của Ủy ban nhân dân huyện)*

**A. TỔNG KẾT TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH**

I. Công tác chỉ đạo, điều hành triển khai thực hiện Chương trình

- Công tác triển khai, quán triệt thực hiện Chương trình trên địa bàn.
- Công tác tuyên truyền, phổ biến hướng dẫn thực hiện Chương trình;
- Công tác thông tin, báo cáo, kiểm tra, đánh giá định kỳ;

II. Nguồn lực để triển khai thực hiện Chương trình

Tổng kinh phí đã bố trí để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững là triệu đồng, cụ thể:

1. Ngân sách Trung ương: triệu đồng, bao gồm

- + Vốn đầu tư phát triển: triệu đồng;
- + Vốn sự nghiệp: triệu đồng;

2. Ngân sách địa phương: triệu đồng.

- + Vốn đầu tư phát triển: triệu đồng;
- + Vốn sự nghiệp: triệu đồng;

3. Nguồn vốn vay tín dụng ưu đãi: triệu đồng.

4. Nguồn vốn huy động cộng đồng (bao gồm hỗ trợ của các doanh nghiệp, các tổ chức đoàn thể, cộng đồng và người dân): triệu đồng.

III. Tình hình triển khai và kết quả thực hiện

1. Dự án: Nhân rộng mô hình giảm nghèo

- Số lượng mô hình giảm nghèo đã được triển khai;
- Số hộ nghèo tham gia mô hình và số hộ nghèo thoát nghèo hằng năm khi tham gia mô hình;
- Thu nhập của hộ nghèo tham gia mô hình (So sánh với trước khi tham gia mô hình)

2. Dự án: Hỗ trợ nâng cao năng lực giảm nghèo, truyền thông và giám sát đánh giá thực hiện Chương trình

2.1. Nâng cao năng lực giảm nghèo:

- Số buổi tổ chức đối thoại chính sách, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, hội nghị hội thảo về công tác giảm nghèo; Số cuộc tham quan, trao đổi kinh nghiệm giữa các địa phương;

- Số lượng cán bộ, công chức xã, trưởng thôn, xóm và cán bộ đoàn thể được tập huấn về: kiến thức, kỹ năng quản lý và tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách, dự án; lập kế hoạch có sự tham gia của người dân; phát triển cộng đồng.

2.2. Truyền thông về giảm nghèo:

- Số chương trình truyền thông trên phương tiện thông tin đại chúng về định hướng giảm nghèo bền vững, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2011 - 2015 (số tờ rơi và ấn phẩm thông tin, tuyên truyền về Chương trình được phát hành).

- Số cán bộ tuyên truyền viên, báo cáo viên về giảm nghèo;

2.3. Hoạt động giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình:

Số lượng các buổi kiểm tra, theo dõi, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu giảm nghèo hàng năm đã được tổ chức thực hiện ở các cấp; đánh giá giữa kỳ Chương trình.

B. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

I. Nội dung đánh giá: Tập trung vào những nội dung cơ bản sau:

1. Đánh giá công tác chỉ đạo điều hành

Đánh giá tình hình chỉ đạo của Ban Chỉ đạo giảm nghèo, sự phối kết hợp của các ngành sẽ dựa trên nhiệm vụ được phân công trong Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo: (i) xem xét tính kịp thời, hiệu lực và hiệu quả của các văn bản chỉ đạo; (ii) trách nhiệm của các ngành; (iii) hiệu quả của công tác phối hợp; (iv) đánh giá về cơ chế phân cấp quản lý, quy trình lập kế hoạch, phân bổ và giao kế hoạch, sự tham gia của người dân và cộng đồng; (v) tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực thực hiện Chương trình: có kịp thời, phân công trách nhiệm rõ ràng hay chưa, sự phối kết hợp giữa các đơn vị thực hiện và đối tượng thụ hưởng? đề xuất những nội dung cần điều chỉnh?

Cần chỉ rõ những ưu điểm, tồn tại và hạn chế, nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế đó trong chỉ đạo thực hiện Chương trình. Những đề xuất hoàn thiện cơ chế chỉ đạo điều hành, phối kết hợp giữa các cấp và các ngành trong thực hiện chương trình.

2. Giám sát và đánh giá

Công tác giám sát và đánh giá thực hiện chương trình giảm nghèo được thực hiện tập trung vào các nội dung chủ yếu sau: (i) rà soát mức độ đầy đủ, đồng bộ, phù hợp của bộ chỉ tiêu để thực hiện công tác giám sát và đánh giá giảm nghèo (ii) hệ thống tổ chức cho giám sát và đánh giá (nhân lực, bộ máy tổ chức, cơ sở vật chất kỹ thuật cho đánh giá); (iii) cơ chế cho giám sát đánh giá: có đảm bảo đúng đối tượng, mục tiêu, thời gian và chi phí, phát huy sự tham gia của cộng đồng cho

giảm nghèo?; (iv) mức độ, tần suất thực hiện các hoạt động giám sát, đánh giá; (v) các bất cập và những vấn đề nảy sinh trong giám sát và đánh giá.

2.1. Đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu của Chương trình:

- Thu thập, đánh giá đầy đủ thông tin các số liệu về kết quả thực hiện các mục tiêu giảm nghèo như:

+ Số liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ tái nghèo, hộ nghèo phát sinh trên địa bàn của địa phương ở thời điểm trước khi thực hiện Chương trình..

+ Thu nhập bình quân trên địa bàn xã, thị trấn.

+ Tốc độ tăng trưởng, giá trị gia tăng kinh tế.

+ Sự chuyển dịch cơ cấu sản xuất, tỷ trọng lao động trong các ngành.

+ Tỷ lệ lao động qua đào tạo, lao động có việc làm.

- Đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu giảm nghèo có đạt được các chỉ tiêu đề ra? có đúng tiến độ và có hiệu quả hay không?

Trên cơ sở các số liệu thu thập tại xã, thị trấn đối chiếu với chỉ tiêu giảm nghèo đã đề ra, phân tích diễn biến tăng, giảm tình trạng nghèo của địa phương, chỉ rõ nguyên nhân của sự tăng hay giảm. Khi phân tích các nguyên nhân cần xem xét tính phù hợp của các chính sách tới đối tượng thụ hưởng (người nghèo, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, phụ nữ, trẻ em), sự phù hợp của chuẩn nghèo (cách tính, mức độ cập nhật CPI trong chuẩn nghèo), chất lượng giảm nghèo (nên xem xét những nhóm hộ nghèo khó thoát nghèo qua nhiều năm, nhất là nhóm "nghèo bền vững"), cách thức đo lường nghèo đói, chỉ ra những điểm cần hoàn thiện.

2.2. Đánh giá tác động của các Chương trình, dự án khác trên địa bàn đối với mục tiêu giảm nghèo bền vững (nếu có).

Bảng 5.**Khung đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu giảm nghèo**

Xã/huyện/tỉnh:

Chi tiêu đánh giá	Mục tiêu, chỉ tiêu đề ra theo kế hoạch (xã, huyện, tỉnh...)	Trước thực hiện Chương trình (cuối 2010, đầu 2011)	Đến thời điểm 9/2015	Đánh giá khả năng thực hiện mục tiêu đến năm 2015	Nguyên nhân
1. Tổng số hộ nghèo					
2. Số hộ thoát nghèo					
3. Số hộ tái nghèo					
4. Số hộ nghèo mới phát sinh					
5. Thu nhập bình quân đầu người (TNBQ) (ngàn đồng/người/năm)					

Bảng 6.**Chỉ tiêu theo dõi các chính sách giảm nghèo**

Xã/huyện/tỉnh:

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện trong kỳ báo cáo	Lũy kế đến thời điểm báo cáo (từ năm 2011 đến nay)
I	Chính sách tín dụng ưu đãi đối với người nghèo			
1	Chương trình tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo			
	- Số hộ nghèo được vay vốn	Hộ		
	- Tổng số tiền được vay	Ngàn đồng		
	- Tổng số dư nợ	Ngàn đồng		
2	Chương trình tín dụng ưu đãi đối với hộ cận nghèo			
	- Số hộ nghèo được vay vốn	Hộ		
	- Tổng số tiền được vay	Ngàn đồng		
	- Tổng số dư nợ	Ngàn đồng		
3	Chương trình cho vay tín dụng HS-SV			

	- Số hộ được vay vốn	Hộ		
	- Tổng số tiền được vay	Ngàn đồng		
	- Tổng số dư nợ	Ngàn đồng		
4	Cho vay XKLD đối với hộ nghèo			
	- Số hộ được vay vốn	Hộ		
	- Tổng số tiền được vay	Ngàn đồng		
	- Tổng số dư nợ	Ngàn đồng		
5	Cho vay hộ nghèo làm nhà ở			
	- Số hộ được vay vốn	Hộ		
	- Tổng số tiền được vay	Ngàn đồng		
	- Tổng số dư nợ	Ngàn đồng		
6	Cho vay nước sạch vệ sinh môi trường			
	- Số hộ nghèo được vay vốn	Hộ		
	- Tổng số tiền được vay	Ngàn đồng		
	- Tổng số dư nợ	Ngàn đồng		
II	Chính sách khám, chữa bệnh cho người nghèo, người cận nghèo			
1	Số người nghèo được cấp thẻ BHYT, trong đó:	Người		
	- Số người	Người		
	- Kinh phí cấp thẻ	Ngàn đồng		
2	Số lượt người nghèo được khám chữa bệnh bằng thẻ BHYT, trong đó	Lượt		
	- Số người	Người		
	- Kinh phí thực hiện	Ngàn đồng		
3	Số người thuộc hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo thuộc hộ cận nghèo được cấp thẻ BHYT, trong đó:	Người		
	- Người thuộc hộ cận nghèo	Người		
	- Người thuộc hộ cận nghèo mới thoát nghèo	Người		
	- Kinh phí hỗ trợ mua thẻ BHYT	Ngàn đồng		
4	Số lượt người thuộc hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo thuộc hộ cận nghèo khám chữa bệnh bằng thẻ BHYT	Lượt		
	Kinh phí thực hiện	Ngàn đồng		
III	Chính sách hỗ trợ trong giáo dục - đào tạo			
1	Số học sinh nghèo được miễn, giảm học phí	Học sinh		
	Kinh phí thực hiện	Ngàn đồng		
2	Số học sinh - sinh viên được trợ cấp xã hội	Học sinh		
	Kinh phí thực hiện	Ngàn đồng		
IV	Chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở			
1	Số hộ nghèo được hỗ trợ nhà ở theo QĐ 167	Hộ		

	Tổng số tiền được hỗ trợ	Ngàn đồng		
	+ Ngân sách TW	Ngàn đồng		
	+ Ngân sách ĐP	Ngàn đồng		
	+ Hỗ trợ của DN, cộng đồng	Ngàn đồng		
2	Số hộ nghèo được hỗ trợ nhà ở theo các chương trình khác	Hộ		
	Kinh phí hỗ trợ	Ngàn đồng		
V	Chính sách hỗ trợ lao động nghèo đào tạo nghề miễn phí, tạo việc làm, XKLD			
1	Số lao động thuộc hộ nghèo được đào tạo nghề ngắn hạn, miễn phí	Lao động		
	Kinh phí thực hiện	Ngàn đồng		
	Số lao động thuộc hộ nghèo sau khi được đào tạo nghề ngắn hạn, miễn phí có được việc làm	Lao động		
2	Số lao động thuộc hộ nghèo được hỗ trợ đi xuất khẩu lao động	Lao động		
	- Kinh phí hỗ trợ	Ngàn đồng		
	Số lao động đã xuất cảnh và có việc làm ổn định	Lao động		
VI	Chính sách trợ giúp Pháp lý cho người nghèo			
1	Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức trợ giúp pháp lý	Lớp		
	- Số người tham dự	Người		
	- Kinh phí thực hiện	Ngàn đồng		
2	Tổ chức các buổi sinh hoạt trợ giúp pháp lý	buổi		
	- Số người tham dự	Người		
	- Kinh phí thực hiện	Ngàn đồng		
VII	Chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo			
	- Số hộ nghèo được hỗ trợ	Hộ		
	- Kinh phí thực hiện	Ngàn đồng		
VIII	Chính sách chuyển giao tiến bộ khoa học, kỹ thuật			
	- Số dự án	Dự án		
	- Số người nghèo tham dự	Người		
	- Kinh phí thực hiện	Ngàn đồng		

Bảng 7.

Chi tiêu theo dõi dự án truyền thông, nâng cao năng lực giảm nghèo
và giám sát, đánh giá

Xã/huyện/tỉnh:

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện trong kỳ báo cáo	Lũy kế đến thời điểm báo cáo (từ năm 2011 đến nay)
I	Nâng cao năng lực giảm nghèo			
1	Nguồn kinh phí			
	- Ngân sách Trung ương	Ngàn đồng		
	- Ngân sách địa phương	Ngàn đồng		
	- Lồng ghép	Ngàn đồng		
	- Khác	Ngàn đồng		
2	Các hoạt động			
	a) Tổ chức đối thoại chính sách			
	- Số lần đối thoại	Số lần		
	- Số người nghèo tham dự	Người		
	- Kinh phí thực hiện	Ngàn đồng		
	b) Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực giảm nghèo			
	- Số lớp tập huấn	Lớp		
	- Số lượt cán bộ được tập huấn	Người		
	+ Cấp thôn, bản	Người		
	+ Cấp xã	Người		
	+ Cấp huyện	Người		
	+ Cấp tỉnh	Người		
	- Kinh phí thực hiện	Ngàn đồng		
	c) Tham quan, học tập kinh nghiệm			
	- Số lượt	Lượt		
	- Số cán bộ tham dự	Người		
	- Kinh phí thực hiện	Ngàn đồng		
II	Truyền thông giảm nghèo			
1	Nguồn kinh phí			
	- Ngân sách trung ương	Ngàn đồng		
	- Ngân sách địa phương	Ngàn đồng		
	- Lồng ghép	Ngàn đồng		
	- Khác	Ngàn đồng		
2	Các hoạt động truyền thông			
	a) Tổ chức xây dựng và thực hiện các sản phẩm truyền thông về giảm nghèo			
	- Phóng sự	Số lượng		
	- Tọa đàm, đối thoại	Số lượng		
	- Pa nô, áp phích...	Số lượng		
	- Tờ rơi	Số lượng		
	- Hình thức khác	Số lượng		
	- Kinh phí thực hiện	Ngàn đồng		
	b) Xây dựng và phát triển mạng lưới cán			

	bộ tuyên truyền viên, báo cáo viên về giảm nghèo các cấp			
	- Số lớp	Lớp		
	- Số người tham dự	Người		
	- Kinh phí thực hiện	Ngàn đồng		
	c) Xây dựng trang tin điện tử về giảm nghèo hoặc ký hợp đồng đưa tin trên trang điện tử			
	- Số lượng	Trang Điện tử		
	- Kinh phí thực hiện	Ngàn đồng		
III	Giám sát, đánh giá			
1	Nguồn kinh phí			
	- Ngân sách Trung ương	Ngàn đồng		
	- Ngân sách địa phương	Ngàn đồng		
	- Lồng ghép	Ngàn đồng		
	- Khác	Ngàn đồng		
2	Các hoạt động			
	a) Xây dựng khung, hệ thống chỉ tiêu giám sát, đánh giá giảm nghèo ở các cấp			
	+ Số lượng	Số lượng		
	+ Kinh phí	Ngàn đồng		
	b) Tổ chức theo dõi, đánh giá			
	- Số lần	Lần		
	+ Cấp huyện	Lần		
	+ Cấp xã	Lần		
	- Kinh phí thực hiện	Ngàn đồng		
	c) Kinh phí thực hiện xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu giảm nghèo	Ngàn đồng		
	- Điều tra, rà soát hộ nghèo	Ngàn đồng		
	- Cập nhật dữ liệu hộ nghèo	Ngàn đồng		

Bảng 8. Chỉ tiêu theo dõi dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo

Xã/huyện/tỉnh:

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện trong kỳ báo cáo	Lũy kế đến thời điểm báo cáo (từ năm 2011 đến nay)
1	Nguồn vốn			
	- Ngân sách Trung ương	Ngàn đồng		
	- Ngân sách địa phương	Ngàn đồng		
	- Tham gia của người dân	Ngàn đồng		
	- Khác	Ngàn đồng		
2	Tổng số hộ dân cư trên địa bàn	Hộ		
3	Tổng số hộ nghèo	Hộ		
4	Số hộ nghèo được tham gia mô hình, trong đó	Hộ		
	- Hộ nghèo Dân tộc thiểu số	Hộ		
5	Số lao động nghèo được tập huấn chuyên giao kỹ thuật sản xuất, kinh doanh (hoặc được học nghề đối với mô hình phát triển ngành nghề)	Người		
6	Số mô hình được xây dựng, nhân rộng	Mô hình		
	- Trồng trọt	Mô hình		
	+ Số hộ	Hộ		
	+ Số tiền	Ngàn đồng		
	- Chăn nuôi	Mô hình		
	+ Số hộ	Hộ		
	+ Số tiền	Ngàn đồng		
	- Tiểu thủ công nghiệp	Mô hình		
	+ Số hộ	Hộ		
	+ Số tiền	Ngàn đồng		
	- Liên doanh, liên kết	Mô hình		
	+ Số hộ	Hộ		
	+ Số tiền	Ngàn đồng		
	- Khác	Mô hình		
	+ Số hộ	Hộ		
	+ Số tiền	Ngàn đồng		
7	Thu nhập bình quân đầu người của hộ nghèo trước khi tham gia mô hình	Ngàn đồng/hộ		
8	Thu nhập bình quân đầu người của hộ nghèo sau khi tham gia mô hình	Ngàn đồng/hộ		
9	Số hộ thoát nghèo sau khi tham gia mô hình	Hộ		
10	Số mô hình được nhân rộng	Mô hình		
11	Số hộ được luân chuyển để tham gia mô hình			
	- Số hộ	Hộ		
	- Số tiền	Ngàn đồng		
12	Số lao động nghèo được tạo việc làm thêm	Người		
13	Số ngày công được tạo việc làm thêm	Ngày		